



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN LÀO CAI

Năm báo cáo 2019

### I. Thông tin chung

#### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần khai thác và chế biến Khoáng sản Lào Cai
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5300208618
- Vốn điều lệ: 246.330.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 246.330.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số nhà 28B, đường Phan Đình Giót, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
- Số điện thoại: 0203.830.036
- Số fax: 0203.830.036
- Website: [www.khoangsanlaocai.com.vn](http://www.khoangsanlaocai.com.vn)
- Mã cổ phiếu: **LCM**

#### *Quá trình hình thành và phát triển*

Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai tiền thân là Công ty TNHH Gia Long được thành lập ngày 18 tháng 09 năm 2002 với số đăng ký kinh doanh là 12 02 000 192, Công ty TNHH Gia Long sau 06 lần thay đổi đăng ký doanh (lần cuối vào ngày 09 tháng 12 năm 2010), đã đổi tên thành Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai vào ngày 04 tháng 01 năm 2011. Trong quá trình hoạt động và phát triển của mình, Công ty luôn hoàn thành tốt các nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước.

Từ một doanh nghiệp Cổ phần tư nhân với vốn điều lệ ban đầu là 2.000.000.000 đồng, Công ty đã tiến hành tăng vốn lần thứ 1 lên 80.000.000.000 đồng vào ngày 15/02/2010 bằng hình thức góp thêm vốn của Cổ đông Công ty. Công ty hoàn tất việc tăng vốn lần thứ 2 vào ngày 30/12/2010 với vốn điều lệ là 85.680.000.000 đồng. Ngày 16/09/2011 Công ty Cổ Phần khai thác và chế biến Khoáng sản Lào Cai đã chính thức niêm yết và giao dịch ngày đầu tiên trên Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là: LCM.

Ngày 07/11/2012 Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ lên 214.200.000.000 đồng.

Ngày 01/07/2013 Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2012 để tăng vốn điều lệ lên 246.330.000.000 đồng.



## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

### - Ngành nghề kinh doanh

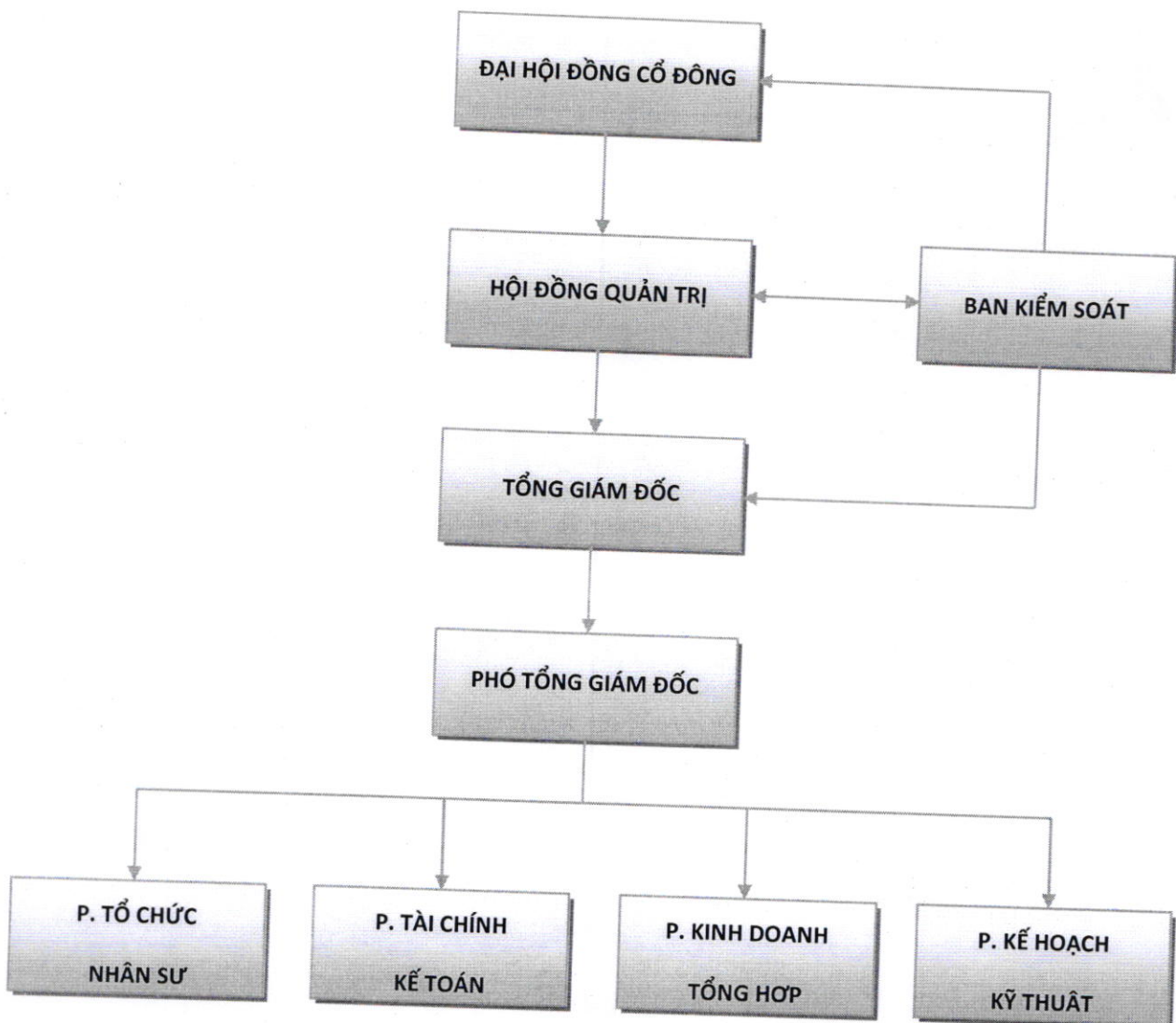
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm: Chi tiết: Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại đen, kim loại màu;
- Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Tư vấn hỗ trợ các hoạt động khai thác khoáng sản;
- Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Mua bán, xuất nhập khẩu dầu thô, than và các sản phẩm của chúng;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

### - Địa bàn kinh doanh

Tập chung chủ yếu ở các tỉnh thành phía Bắc.

## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

### 3.1. Mô hình quản trị



### 3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

#### ⚡ Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên.
- Quyết định số thành viên của HĐQT.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.
- Các quyền khác được quy định tại điều lệ Công ty.

#### ⚡ Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị do Đại hội cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc.
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ.
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

#### ⚡ Ban Giám đốc

Ban Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Hội đồng Quản trị Công ty và Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Ban Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật.
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty.
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, lý luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật.
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật và những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.

- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

#### ➤ **Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát Công ty do Đại hội Cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Quyền và nghĩa vụ như sau:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc.
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

#### ➤ **Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng Công ty do Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm; chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê, hạch toán kinh tế và công tác tài chính của Công ty; thực hiện các công việc theo ủy quyền của Giám đốc Công ty.

#### ➤ **Các phòng ban nghiệp vụ**

**Phòng Tổ chức Nhân sự:** có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty.
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban, chi nhánh và xí nghiệp của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được nhà nước ban hành.
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại.
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban giám đốc Công ty.

**Phòng Tài chính - Kế toán:** có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban giám đốc; thông qua tình hình tài chính giúp Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền.

- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ.
- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.
- Phân tích tình hình tài chính trong khai thác mỏ, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban giám đốc.

**Phòng Kinh doanh Tổng hợp:** có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổ chức xây dựng các kế hoạch kinh doanh và tham mưu cho Hội đồng Quản Trị cũng như Ban Giám đốc định hướng phát triển trong trung và dài hạn của Công ty. Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của từng phòng ban, từng đơn vị, phòng sẽ lập kế hoạch kinh doanh tổng thể trong từng quý, từng năm để trình Ban Giám đốc xem xét phê duyệt.

**Phòng Kế hoạch kỹ thuật:** có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng kế hoạch đầu tư sửa chữa máy móc, thiết bị tại các nhà máy, các xí nghiệp phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh và khai thác mỏ tại các xí nghiệp của công ty. Cố vấn cho Ban giám đốc kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị mới.
- Quản lý toàn bộ xưởng sửa chữa, thiết bị máy móc hiện có của Công ty.
- Lập kế hoạch và cung cấp vật tư theo tiến độ thực tế tại các nhà máy, công trường của Công ty.

### 3.3. Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Vốn điều lệ (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu tính đến ngày 31/12/2019
Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình	Xóm Tân Lập, xã tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	Khai thác, chế biến khoáng sản (trừ các loại khoáng sản nhà nước cấm)	171.000.000.000	95%

### 3.4. Các công ty liên kết: không có

## 4. Định hướng phát triển

### 4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Kinh doanh hiệu quả, phát triển ổn định và bền vững.
- Đầu tư công nghệ, máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất, tập trung vào khai thác mỏ.
- Đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, trong đó khai thác kinh doanh khoáng sản là ngành chủ đạo.
- Đào tạo đội ngũ CB-CNV có trình độ, có tác phong công nghiệp và kỹ thuật cao.
- Đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

### 4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Đầu tư sâu vào lĩnh vực khai thác và kinh doanh khoáng sản.

#### 4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Tích cực tham gia vào bảo vệ môi trường và công tác xã hội nhằm xây dựng nông thôn mới và giúp đỡ địa phương theo khả năng thực tế của Công ty.

### 5. Các rủi ro:

#### 5.1. Rủi ro về kinh tế

Là một ngành sản xuất cung cấp chủ yếu cho các ngành công nghiệp khác, ngành khai khoáng chịu ảnh hưởng nhiều từ những biến động tăng hoặc giảm của tốc độ phát triển kinh tế trên nhiều quy mô khác nhau. Đối với Công ty cổ phần khai thác và chế biến Khoáng sản Lào Cai, các sản phẩm đều được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu nên bất kỳ sự biến động nào của tình hình kinh tế trong nước cũng ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### 5.2. Rủi ro về luật pháp

Là Doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên hoạt động của Công ty tuân theo các văn bản pháp luật của Công ty Cổ phần, hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Quy chế giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và các văn bản hướng dẫn thi hành... Mặc dù, trong nhiều năm qua, hệ thống luật pháp Việt Nam liên tục được hoàn thiện, song tính ổn định chưa cao, vẫn còn nhiều các quy định pháp luật đang trong giai đoạn hoàn thiện.

Bên cạnh đó Công ty hoạt động trong ngành khai thác khoáng sản vốn là ngành đặc thù và chịu những quy định của Nhà nước liên quan đến hoạt động của ngành khai thác khoáng sản.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của pháp luật, theo sát đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước... từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh đúng pháp luật và phù hợp với từng thời kỳ.

#### 5.3. Các rủi ro đặc thù

- Rủi ro chính sách của Nhà nước đối với hoạt động khai khoáng

Chính sách Nhà nước có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của ngành khai khoáng, theo Luật khoáng sản mới được thông qua tháng 12/2010 và bắt đầu có hiệu lực từ 01/07/2011 có nhiều điểm mới ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp khoáng sản. Theo Luật khoáng sản, cơ chế quản lý sẽ thắt chặt hơn đối với các doanh nghiệp khai thác khoáng sản, đặc biệt là các điều kiện được cấp mỏ mới, thu tiền cấp quyền khai thác, trách nhiệm của doanh nghiệp khai thác mỏ đối với địa phương nơi khai thác trong việc đầu tư, xây dựng hạ tầng, các công trình phúc lợi, bảo vệ môi trường, ... Những quy định này nhằm nâng cao trách nhiệm của các doanh nghiệp hoạt động trong ngành khai khoáng đối với Nhà nước và xã hội, sẽ làm gia tăng chi phí đầu tư cho doanh nghiệp, tuy nhiên cũng là điều kiện để chọn lọc ra những doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, chuyên nghiệp.

- Rủi ro khai thác

Do đặc điểm của ngành nghề, hoạt động sản xuất kinh doanh chịu ảnh hưởng rất lớn vào các điều kiện tự nhiên nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công ty. Mặc dù Công ty đã tiến hành nghiên cứu khảo sát đánh giá về địa chất, chất lượng khoáng sản nhằm giảm thiểu rủi

ro trong quá trình khai thác, tuy nhiên cũng không thể tránh khỏi những biến động bất thường về địa chất, chất lượng khoáng sản... cũng như những tiềm ẩn về trữ lượng, hàm lượng khai thác. Mặt khác, vì nguồn tài nguyên thiên nhiên là có hạn, nên Công ty phải khai thác ngày càng xuống sâu và xa hơn, làm cung độ vận chuyển và hệ số bóc tách tăng.

Là một doanh nghiệp có kinh nghiệm trong ngành, Công ty đã lường trước được tất cả những khó khăn này. Vì vậy, song song với việc khai thác tối đa các mỏ hiện có, Công ty cũng không ngừng hiện đại dây chuyền khai thác và chế biến cũng như tìm kiếm các nguồn mỏ mới.

- **Rủi ro do chi phí sản xuất tăng**

Chi phí phục vụ hoạt động khai thác và chế biến trong thời gian qua cũng tăng đáng kể như: giá xăng dầu, giá điện, thép... tăng đã đẩy chi phí sản xuất tăng theo. Ngoài ra vấn đề bảo vệ môi trường và xử lý chất thải sau khai thác là một thách thức không nhỏ đối với Công ty. Sức ép về sự gia tăng của các khoản phí, phí tài nguyên môi trường, phí xử lý chất thải, tiền thuê đất, phí khai thác tận thu khoáng sản ... ngày càng cao cũng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

- **Rủi ro về giấy phép khai thác mỏ**

Thời hạn khai thác các mỏ của Công ty phụ thuộc vào chính sách quản lý và khai thác khoáng sản của Nhà nước trong từng thời kỳ. Ngoài ra, nếu hoạt động khai thác mỏ của Công ty không đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc cũng có thể sẽ không được gia hạn giấy phép khai thác hoặc bị rút giấy phép trước thời hạn. Rủi ro về việc bị rút hoặc không gia hạn giấy phép khai thác mỏ từ phía Công ty về mặt thực tế là không nhiều do năng lực và chất lượng kỹ thuật khai thác của Công ty hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu chuyên môn. Rủi ro từ các chính sách của Nhà nước về thời hạn cấp phép khai thác mỏ là một rủi ro cần được tính đến trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- **Rủi ro về an toàn lao động**

Do đặc thù của Công ty là khai thác mỏ nên vấn đề an toàn lao động luôn được quan tâm. Công ty đã thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động như: mua bảo hiểm, trang bị các công cụ, dụng cụ đảm bảo an toàn trong quá trình lao động, hướng dẫn người lao động thực hiện các biện pháp an toàn... nên rủi ro này được giảm thiểu tối đa.

- **Rủi ro từ phía Công ty**

Do tình trạng tranh chấp và khai thác tự do tài nguyên khoáng sản vẫn tiếp diễn trên các địa bàn mà Công ty có các mỏ thuộc chủ quyền khai thác hoặc các mỏ đang được phép thăm dò, khảo sát đã đặt ra những khó khăn và rủi ro cho Công ty trong vấn đề quản lý nguồn tài nguyên thuộc chủ quyền. Ngoài ra, việc khai thác tận thu tràn lan nguồn tài nguyên của nhiều cá nhân, tổ chức trên địa bàn gây ảnh hưởng lớn đến công tác quy hoạch khai thác và sản xuất của Công ty.

#### 5.4. Các rủi ro khác

Ngoài những rủi ro trên Công ty còn có thể gặp phải những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty như lũ lụt, hạn hán, cháy, nổ,... Công ty đã luôn áp dụng những tiêu

chuẩn kỹ thuật sản xuất nghiêm ngặt, nên những rủi ro này rất ít khi xảy ra và gần như không có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được trong năm 2019:

CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20-50 tỷ	30.556.174.000
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2-5 tỷ	4.000.979.833

### 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

#### • Tổng Giám đốc - Ông NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Ngày tháng năm sinh : 30/03/1979

CMND : 111473848 Ngày cấp: 25/07/2012 Nơi cấp: CA TP Hà Nội

Địa chỉ thường trú : Nhà số 9 ngách 41, ngõ Chùa Nền, Phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội.

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư

Số CP nắm giữ : 14.000 cổ phần, chiếm 0,056% vốn điều lệ

#### • Phó Tổng Giám đốc - Ông LÊ HỒNG VƯỢNG

Ngày tháng năm sinh : 07/02/1985

CMND : 011368015 Ngày cấp: 23/08/2012, Nơi cấp: CA Hà Nội

Địa chỉ thường trú : Số 6 ngõ Thọ Xương – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Trình độ chuyên môn : Cử nhân

Số CP nắm giữ : 0 cổ phần

#### • Kế toán trưởng - Bà NGUYỄN THỊ HOA

Ngày tháng năm sinh : 30/09/1960

CMND : 063034972 Ngày cấp: 21/11/2007 Nơi cấp: CA Lào Cai

Địa chỉ thường trú : Đường K3 - P.Phố Mới - TP Lào Cai

Trình độ chuyên môn : Trung cấp Kế toán

Số CP nắm giữ : 28.750 cổ phần, chiếm 0,116% vốn điều lệ

- Những thay đổi trong ban điều hành: Trong năm 2019, Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai không có sự thay đổi về mặt nhân sự trong Ban điều hành.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:



Trong năm 2019, Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai không có các khoản đầu tư lớn.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty con: Trong năm 2019, Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình tập trung xây dựng hoàn thiện dự án nhà máy tuyển khoáng phục vụ khai thác mỏ đa kim tại Xóm Ngọc Lâm, xã Cao Răm, huyện Lương Sơn và bản Đàng Long xã Bắc Sơn, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình, bên cạnh đó Công ty cũng tìm các đối tác để hợp tác kinh doanh trong việc khai thác mỏ. Hiện tại Công ty cũng đang thương thảo với các đối tác tiềm năng để sớm đưa nhà máy vào hoạt động để khai thác tối ưu tiềm năng khoáng sản của mỏ.

#### 4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	228.999.708.148	235.226.805.423	2,72%
Doanh thu thuần	4.420.000.000	30.556.174.000	591,32%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	396.809.304	4.725.284.553	1090,82%
Lợi nhuận khác	-574.307.932	-724.304.720	26,12%
Lợi nhuận trước thuế	-177.498.628	4.000.979.833	-2354,09%
Lợi nhuận sau thuế	-177.498.628	4.000.979.833	-2354,09%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	8,59	14,98
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	2,42	11,04
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,02	0,03
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	0,02	0,03
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			

+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	Lần	0,99	0,95
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	0,02	0,13
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	(4,02)	13,09
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	(0,08)	1,76
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	(0,08)	1,70
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	8,98	15,46

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Theo báo cáo tài chính được kiểm toán tại ngày 31/12/2019:

Tổng số cổ phần: 24.633.000 cổ phần

Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông.

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 24.633.000 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông: Số liệu theo sổ cổ đông chốt ngày 31/12/2019

STT	Danh mục	SL Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
1	<b>Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cp trở lên)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	- Tổ chức	0	0	0
	- Cá nhân	<b>1.944.050</b>	<b>7,89%</b>	<b>1</b>
2	<b>Cổ đông nhỏ (số lượng cp sở hữu &lt; 5%)</b>	<b>22.688.950</b>	<b>92,11 %</b>	<b>1833</b>
	- Tổ chức	638.448	2,59%	27
	- Cá nhân	22.050.502	89,52%	1807
3	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>20.574.073</b>	<b>83,52%</b>	<b>1810</b>
	- Tổ chức	475	0,00%	23
	- Cá nhân	20.573.598	83,52%	1.787
4	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>2.114.877</b>	<b>8,59%</b>	<b>24</b>
	- Tổ chức	637.973	2,59%	4
	- Cá nhân	1.476.904	6,00%	20
5	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>191</b>	<b>0,08%</b>	<b>1</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>24.633.000</b>	<b>100</b>	<b>1837</b>

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2019 không thay đổi  
 d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm 2019 không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.  
 e) Các chứng khoán khác: không

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

#### 1. Tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2019

Trong năm 2019, Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai tập trung chủ yếu cho việc đầu tư, xây dựng hoàn thiện dự án nhà máy tuyển khoáng phục vụ khai thác mỏ đa kim tại Xóm Ngọc Lâm, xã Cao Răm, huyện Lương Sơn và bản Đàng Long xã Bắc Sơn, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình, bên cạnh đó Công ty cũng tìm các đối tác để hợp tác kinh doanh trong việc khai thác mỏ. Hiện tại nhà máy hoàn thiện công nghệ mới đi vào sản xuất. Hợp tác dưới sự giúp đỡ của các chuyên gia Úc và Nhật bản.

#### . Tình hình tài chính

##### a) Tình hình tài sản

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	31/12/2019	31/12/2018	Biến động
			(+ ; -)
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>109.504.250.881</b>	<b>43.698.260.464</b>	<b>65.805.990.417</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.925.456.939	1.236.177.658	9.689.279.281
Các khoản phải thu ngắn hạn	67.124.164.860	8.796.555.940	58.327.608.920
Hàng tồn kho	28.776.135.616	31.416.886.062	-2.640.750.446
Tài sản ngắn hạn khác	2.678.493.466	2.248.640.804	429.852.662
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>125.722.554.542</b>	<b>185.301.447.684</b>	<b>-59.578.893.142</b>
Tài sản cố định	188.520.119	1.220.183.055	-1.031.662.936
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	34.200.000.000	34.200.000.000	0
Tài sản dở dang dài hạn	91.334.034.423	81.881.264.629	9.452.769.794
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>235.226.805.423</b>	<b>228.999.708.148</b>	<b>6.227.097.275</b>

##### b) Tình hình nợ phải trả

NỢ PHẢI TRẢ	31/12/2019	31/12/2018
<b>NỢ NGẮN HẠN</b>	<b>7.310.860.097</b>	<b>5.084.742.655</b>
Phải trả người bán	3.473.371.353	1.369.009.911
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	225.936.717	225.936.717
Phải trả ngắn hạn khác	159.880.049	193.489.049

Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.796.306.978	2.796.306.978
<b>NỢ DÀI HẠN</b>	-	-

Tính đến thời điểm 31/12/2019 Công ty không phải vay và nợ dài hạn.

**2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

- + Nâng cao chất lượng công tác đảm bảo kỹ thuật, an toàn, tiết kiệm chi phí vật tư nhiên liệu.
- + Các biện pháp về quản lý thiết bị, quản lý vật tư, nhiên liệu, kiểm soát chặt chẽ chi phí.

**3. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

Công ty chú trọng đầu tư sâu vào lĩnh vực khai thác và kinh doanh khoáng sản.

**4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:**

Không có (Công ty Kiểm toán không có ý kiến yêu cầu giải trình)

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

Do đặc thù của Công ty là khai thác mỏ nên vấn đề an toàn lao động luôn được quan tâm. Công ty đã thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động như: mua bảo hiểm, trang bị các công cụ, dụng cụ đảm bảo an toàn trong quá trình lao động, hướng dẫn người lao động thực hiện các biện pháp an toàn...

Ngoài ra, Công ty luôn tích cực tham gia vào bảo vệ môi trường và công tác xã hội nhằm xây dựng nông thôn mới và giúp đỡ địa phương theo khả năng thực tế của Công ty.

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Hoạt động của Công ty trong năm 2019 được thực hiện đúng kế hoạch, phù hợp các quan điểm chủ trương của Hội đồng quản trị và Đại hội cổ đông trong các lĩnh vực hoạt động.

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Năm 2019 Ban Giám đốc đã thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của mình trong việc điều hành Công ty theo Điều lệ quy định. Quản lý tài chính chặt chẽ, nộp ngân sách Nhà nước về thuế, BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động được thực hiện theo đúng quy định.

**3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị sẽ nỗ lực trong việc định hướng hoạt động của Công ty với các nội dung sau:

- Định hướng đầu tư sâu vào lĩnh vực kinh doanh và khai thác khoáng sản;
- Đào tạo, tăng cường đội ngũ cán bộ kỹ thuật có tay nghề cao;
- Thực hiện đổi mới quản trị để nâng cao chất lượng quản lý điều hành nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh năm 2020.

**V. Quản trị công ty**

**1. Hội đồng quản trị**

- a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Tại thời điểm 31/12/2019:

TT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	<b>Nguyễn Khắc Kim</b>	Chủ tịch HĐQT	15.000	0.061	
2	<b>Nguyễn Đức Thắng</b>	Thành viên HĐQT kiêm TGD	14.000	0,057	
3	<b>Lê Hồng Vượng</b>	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	0	0	
4	<b>Vũ Hoài Duy</b>	Thành viên HĐQT	0	0	
5	<b>Ngô Trường An</b>	Thành viên HĐQT	0	0	

Năm 2019, HĐQT đã chỉ đạo điều hành Công ty tuân thủ theo đúng các quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ. Cụ thể:

- Triển khai việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên đến Ban giám đốc và các bộ phận của Công ty;
- HĐQT thống nhất cao về mục tiêu củng cố, ổn định phát triển sản xuất kinh doanh; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà nước, luôn quan tâm đến việc làm, đời sống vật chất tinh thần, thực hiện chế độ chính sách người lao động theo quy định;
- Ban hành các nghị quyết thống nhất về chủ trương, chính sách của Công ty trong các hoạt động quản lý điều hành, đầu tư, dịch vụ...
- Bàn bạc với Ban kiểm soát quyết định lựa chọn công ty kiểm toán để thực hiện Kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

**Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

STT	Số nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐQT	25/03/2019	Nghị quyết HĐQT về việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
2	Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐQT	11/04/2019	Nghị quyết HĐQT về việc thay đổi thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
3	Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐQT	20/07/2019	Nghị quyết HĐQT về việc Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2019, kế hoạch thực hiện sản xuất kinh doanh quý 3 năm 2019
4	Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐQT	25/10/2019	Nghị quyết HĐQT về việc Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh Quý 3 năm 2019, kế hoạch thực hiện sản xuất kinh doanh quý 4 năm 2019

Năm 2019, HĐQT đã chỉ đạo điều hành Công ty tuân thủ theo đúng các quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và tổ chức triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Các hoạt động cụ thể như sau:

- Triển khai việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên đến Ban Giám đốc và các bộ phận trong toàn Công ty.
- HĐQT thống nhất cao về mục tiêu củng cố, ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước; luôn quan tâm đến việc làm, đời sống vật chất tinh thần, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước.
- Hàng tuần HĐQT thường xuyên cử người tham dự đầy đủ các buổi họp giao ban cùng trưởng các bộ phận để nắm bắt kết quả xử lý công việc của từng phòng ban, bộ phận quản lý cũng như trực tiếp có ý kiến chỉ đạo, góp ý để kịp thời giải quyết những phát sinh vướng mắc trong quản lý điều hành của Ban Giám đốc nhằm điều hành hoạt động của Công ty hàng ngày theo đúng định hướng và mục tiêu của ĐHĐCĐ đã đề ra.
- Hàng quý trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch quý trước, xác định nguyên nhân tồn tại để đưa ra các giải pháp khắc phục và giao kế hoạch sản xuất quý sau.
- Ban hành các nghị quyết thống nhất về chủ trương, chính sách của Công ty trong các hoạt động quản lý điều hành, đầu tư, dịch vụ... và các Quyết định về chỉ đạo thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh, quản lý, đầu tư.
- Chỉ đạo hoàn thành việc xây dựng Nội quy Công ty và cho ban hành các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban. Hướng dẫn, chỉ đạo việc bổ sung và chỉnh sửa quy chế hoạt động tài chính của Công ty cho phù hợp với quy định của Luật pháp hiện hành.
- Bàn bạc với Ban kiểm soát quyết định lựa chọn công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và theo dõi, giám sát công tác quản lý của Ban Giám đốc.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: không có

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Vũ Thị Dung	Trưởng ban kiểm soát	0	0	Miễn nhiệm ngày 26/06/2019
	Nhữ Ngọc Quang	Trưởng ban kiểm soát	0	0	Bổ nhiệm ngày 26/06/2019

2	Ngô Gia Huy	Thành viên ban kiểm soát	0	0	
3	Bùi Lan Anh	Thành viên ban kiểm soát	0	0	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã thực và tiến hành các hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như tuân thủ các quy định khác của Pháp luật:

- Thực hiện giám sát hoạt động và tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành Công ty;
- Kiểm soát các báo cáo tài chính quý và báo cáo năm, nhằm đánh giá tính hợp lý và chính xác của các số liệu tài chính trước khi trình Hội đồng quản trị;
- Kiểm soát việc chấp hành chế độ chi tiêu nội bộ Công ty;
- Các công việc theo quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

3. **Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát**

- a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:
- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện tốt các quy định về quản trị công ty.

## VI. Báo cáo tài chính

1. **Ý kiến kiểm toán:** Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty được Công ty TNHH kiểm toán – Tư vấn Đất Việt chấp thuận một phần và có 01 ý kiến ngoại trừ ( đã được thực hiện giải trình).
2. **Báo cáo tài chính được kiểm toán** (Đính kèm Báo cáo tài chính năm 2019)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO  
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



NGUYỄN ĐỨC THẮNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN  
KHOÁNG SẢN LÀO CAI**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019



---

Tháng 04 năm 2019



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 22

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Khắc Kim	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Thắng	Thành viên
Ông Lê Hồng Vượng	Thành viên
Ông Ngô Trường An	Thành viên
Ông Vũ Hoài Duy	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Vượng	Phó Tổng Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh hợp nhất doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Nguyễn Đức Thắng

Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 04 năm 2020

Số: *044*/2020/BCTC-KTV/HN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông và Hội đồng Quản trị**  
**Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 07 tháng 04 năm 2020, từ trang 04 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 số 9503/2019/BCTC-KTV/HN ký ngày 29/03/2019 có đưa ra các nội dung ngoại trừ như sau:

- *Tại thời điểm 31/12/2018, Chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho của Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình (là công ty con). Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế. Theo đó, Chúng tôi không đánh giá được tính hiện hữu và tính chính xác của giá trị hàng tồn kho với giá trị là 31.416.886.062 VND cũng như trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có).*
- *Chúng tôi không nhận được xác nhận vốn góp và Báo cáo tài chính của khoản đầu tư của Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình vào Công ty Cổ phần Granite Phú Yên tại thời điểm ngày 31/12/2018 với giá trị 34.200.000.000 VND. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định liệu có phải điều chỉnh tổn thất của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (nếu có) hay không.*

Những ảnh hưởng của vấn đề nêu trên về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai vẫn còn tồn tại trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty. Cụ thể :

Chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt và hàng tồn kho của Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình (là công ty con) tại thời điểm 31/12/2019. Đồng thời, Chúng tôi không nhận được xác nhận vốn góp và Báo cáo tài chính của khoản đầu tư của Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình vào Công ty Cổ phần Granite Phú Yên tại thời điểm ngày 31/12/2019, do đó chúng tôi không đánh giá được tính hiện hữu và tính chính xác của giá trị khoản mục tiền mặt và hàng tồn kho lần lượt là 9.771.384.582 VND và 28.776.135.616 VND và trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) cũng như không xác định được liệu có phải điều chỉnh tồn thất khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Granite Phú Yên với giá trị là 34.200.000.000 VND hay không.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã trình bày tại Thuyết Minh II.1. Hiện tại Công ty có khoản đầu tư vào Công ty con là Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình. Do Công ty con vẫn đang trong quá trình đầu tư Dự án khai thác vàng chưa đi vào hoạt động và khoản đầu tư vào Công ty con này đang thua lỗ chưa xác định được khả năng thu hồi. Ngoài ra, Công ty tạm ngưng hoạt động kinh doanh chính là khai thác khoáng sản, chỉ hoạt động thương mại cầm chừng và đang tìm kiếm các lĩnh vực kinh doanh mới hiệu quả hơn, phù hợp với tình hình hiện tại của Công ty. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được trình bày theo giả định hoạt động liên tục.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề trên.

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2020

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn  
Đất Việt tại Hà Nội**



**NGUYỄN THÀNH NAM - Phó Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3528-2016-037-1

**CHU NGỌC TUẤN - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3107-2020-037-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019*

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>109.504.250.881</b>	<b>43.698.260.464</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>10.925.456.939</b>	<b>1.236.177.658</b>
1. Tiền	111	V.1	10.925.456.939	1.236.177.658
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>67.124.164.860</b>	<b>8.796.555.940</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.875.605.000	3.542.300.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		374.000.312	257.300.312
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3a	58.800.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	7.087.666.048	6.339.105.628
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.013.106.500)	(1.342.150.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>28.776.135.616</b>	<b>31.416.886.062</b>
1. Hàng tồn kho	141		28.776.135.616	31.416.886.062
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.678.493.466</b>	<b>2.248.640.804</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.678.493.466	2.248.640.804
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>125.722.554.542</b>	<b>185.301.447.684</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>68.000.000.000</b>
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.3b	-	68.000.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>188.520.119</b>	<b>1.220.183.055</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	188.520.119	1.220.183.055
- Nguyên giá	222		10.733.244.179	10.733.244.179
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.544.724.060)	(9.513.061.124)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.7</b>	<b>91.334.034.423</b>	<b>81.881.264.629</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		91.334.034.423	81.881.264.629
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>34.200.000.000</b>	<b>34.200.000.000</b>
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.8	34.200.000.000	34.200.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>235.226.805.423</b>	<b>228.999.708.148</b>

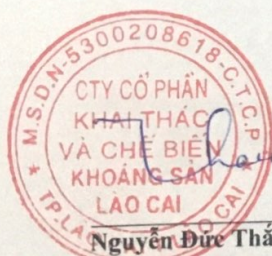
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số cuối năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.310.860.097</b>	<b>5.084.742.655</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.310.860.097</b>	<b>5.084.742.655</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	3.473.371.353	1.369.009.911
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		655.365.000	500.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	225.936.717	225.936.717
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		159.880.049	193.489.049
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.796.306.978	2.796.306.978
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>227.915.945.326</b>	<b>223.914.965.493</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>227.915.945.326</b>	<b>223.914.965.493</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.11	246.330.000.000	246.330.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		246.330.000.000	246.330.000.000
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.11	(1.910.000)	(1.910.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.11	5.145.322.665	5.145.322.665
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.11	2.796.306.978	2.796.306.978
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.11	(34.612.993.096)	(38.497.214.296)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(38.497.214.296)	(38.360.456.291)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.884.221.200	(136.758.005)
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		8.259.218.779	8.142.460.146
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>235.226.805.423</b>	<b>228.999.708.148</b>



Nguyễn Đức Thắng  
Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 04 năm 2020

Nguyễn Thị Hoa  
Kế toán trưởng

Lê Tuấn Việt  
Người lập biểu


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

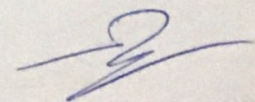
MẪU SỐ B 02-DN/HN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		30.556.174.000	4.420.000.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	30.556.174.000	4.420.000.000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	28.455.422.076	4.335.000.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.100.751.924	85.000.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.742.902.652	3.927.970.200
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.313.300	4.672.936
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			-	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	23		-	-
9. Chi phí bán hàng	24		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	1.116.056.723	3.611.487.960
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.725.284.553	396.809.304
12. Thu nhập khác	31		-	30.000.000
13. Chi phí khác	32		724.304.720	604.307.932
14. Lợi nhuận khác	40	VI.6	(724.304.720)	(574.307.932)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.000.979.833	(177.498.628)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.000.979.833	(177.498.628)
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		3.884.221.200	(136.758.005)
- Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		116.758.633	(40.740.623)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	158	(6)



Nguyễn Đức Thắng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 07 tháng 04 năm 2020

  
Nguyễn Thị Hoa  
Kế toán trưởng

  
Lê Tuấn Việt  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MẪU SỐ B 03-DN/HN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>4.000.979.833</b>	<b>(177.498.628)</b>
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		603.647.432	603.647.432
- Các khoản dự phòng	03		(329.043.500)	1.342.150.000
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.742.902.652)	(3.957.970.200)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>532.681.113</b>	<b>(2.189.671.396)</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.857.171.479)	12.166.941.208
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.068.765.950	(853.155.676)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.226.117.442	(8.390.439.752)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.970.393.026</b>	<b>733.674.384</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.452.769.794)	(225.454.545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	30.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(116.900.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.200.000.000	112.200.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.971.656.049	3.949.227.564
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>7.718.886.255</b>	<b>(946.226.981)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>9.689.279.281</b>	<b>(212.552.597)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>1.236.177.658</b>	<b>1.448.730.255</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>10.925.456.939</b>	<b>1.236.177.658</b>



Nguyễn Đức Thắng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 07 tháng 04 năm 2020

Nguyễn Thị Hoa  
Kế toán trưởng

Lê Tuấn Việt  
Người lập biểu



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1. Công ty mẹ**

Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Gia Long là Công ty TNHH có hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 1202000192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp Đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 09 năm 2002. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về loại hình doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 17, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp ngày 02/10/2017 với mã số doanh nghiệp là 5300208618.

**Ngành nghề kinh doanh chính:**

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm: Chi tiết: Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại đen, kim loại màu;
- Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Tư vấn hỗ trợ các hoạt động khai thác khoáng sản;
- Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Mua bán, xuất nhập khẩu dầu thô, than và các sản phẩm của chúng; Mua bán hóa chất, vật tư, phân bón phục vụ công, nông nghiệp;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng nông sản, lâm sản, thủy sản;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu:  
Chi tiết: Than đá, cát, sỏi; kinh doanh thẻ thanh toán dịch vụ viễn thông, thiết bị có gắn số thuê bao viễn thông
- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Than, đá, cát, sỏi;
- Khai thác quặng sắt; Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Chi tiết: Trang trí nội thất;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động ngoại giao;
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác và thu gom than non; Khai thác dầu thô; Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác muối; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;
- Khai thác và thu gom than bùn; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương; Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Xây dựng công trình công ích;
- Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.

**Trụ sở chính của Công ty tại:** Số 28B đường Phan Đình Giót, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**2. Công ty con**

**Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình**

- \* Địa chỉ: Xóm Tân Lập, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
- \* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2019: 95%
- \* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2019: 95%

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**1. Giả thiết về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính Hợp nhất đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Hiện tại Công ty có khoản đầu tư vào Công ty con là Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình. Do Công ty con vẫn đang trong quá trình đầu tư Dự án khai thác vàng chưa đi vào hoạt động và khoản đầu tư vào Công ty con này đang thua lỗ chưa xác định được khả năng thu hồi. Ngoài ra, Công ty tạm ngưng hoạt động kinh doanh chính là khai thác khoáng sản, chỉ hoạt động thương mại cầm chừng và đang đi tìm các hướng kinh doanh mới phù hợp với tình hình hiện tại của Công ty. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty vẫn đang tập trung vào đầu tư dự án Mô vàng của Công ty con để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh. Công ty cũng đang tìm kiếm các hoạt động kinh doanh mới và tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính. Do đó, Ban giám đốc Công ty vẫn đang tiến hành lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục. Theo đó Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**3. Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**4. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Đối với trường hợp công ty con không lập được báo cáo tài chính tại ngày bị Công ty mẹ kiểm soát thì sử dụng báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất (không quá 3 tháng) để hợp nhất.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC & Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT\_BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là kế toán trên máy tính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;

Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày lập Báo cáo tài chính của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**3. Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**4. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con và công ty liên doanh, liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên doanh, liên kết. Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**5. Bất lợi thương mại**

Bất lợi thương mại (lợi thế thương mại âm) là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**6. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trong đó:

***Nợ phải thu quá hạn thanh toán:***

**Mức trích lập dự phòng**

Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

***Nợ phải thu khác:***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên mức tổn thất dự kiến không thu hồi được. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06-45
Máy móc, thiết bị	08-10
Phương tiện vận tải	08-10
Thiết bị văn phòng	03-08

**9. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty.

**10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**12. Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**13. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**14. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

***Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**15. Thuế**

***Thuế thu nhập hiện hành***

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

***Thuế khác***

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**16. Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

**17. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Đơn vị tính: VND)

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Tiền mặt	10.749.764.495	1.057.547.412
Tiền gửi ngân hàng	175.692.444	178.630.246
<b>Cộng</b>	<b><u>10.925.456.939</u></b>	<b><u>1.236.177.658</u></b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Công ty CP Việt Nga Hòa Bình	428.310.000	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng và Thiết kế T&T	1.447.295.000	2.684.300.000
Công ty CP Phát triển Công nghệ Skylifefarm	-	858.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.875.605.000</u></b>	<b><u>3.542.300.000</u></b>

**3. Phải thu về cho vay dài hạn**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>58.800.000.000</b>	<b>-</b>
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	58.800.000.000	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>68.000.000.000</b>
- Phải thu về cho vay dài hạn	-	68.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>58.800.000.000</u></b>	<b><u>68.000.000.000</u></b>

(\*): Đây là các khoản Công ty cho các cá nhân vay theo các Hợp đồng vay với lãi suất cho vay từ 6 %/năm. Thời gian cho vay: 18 tháng. Hình thức bảo đảm tín chấp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Phải thu tiền lãi cho vay	1.784.100.000	-	6.012.853.397	-
- Tạm ứng	5.303.566.048	-	-	-
- Phải thu khác	-	-	326.252.231	-
<b>Cộng</b>	<b>7.087.666.048</b>	<b>-</b>	<b>6.339.105.628</b>	<b>-</b>

**5. Hàng tồn kho**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	3.189.782.945	-	3.174.385.363	-
- Công cụ, dụng cụ	107.900.000	-	107.900.000	-
- Chi phí SX, KD dở dang	13.307.275.898	-	12.093.019.650	-
- Hàng hóa	12.171.176.773	-	16.041.581.049	-
<b>Cộng</b>	<b>28.776.135.616</b>	<b>-</b>	<b>31.416.886.062</b>	<b>-</b>

**6. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	4.270.532.029	5.408.106.517	963.104.633	91.501.000	10.733.244.179
Số dư cuối năm	4.270.532.029	5.408.106.517	963.104.633	91.501.000	10.733.244.179
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	3.478.364.478	4.980.091.013	963.104.633	91.501.000	9.513.061.124
Khấu hao trong năm	603.647.432	428.015.504	-	-	1.031.662.936
Số dư cuối năm	4.082.011.910	5.408.106.517	963.104.633	91.501.000	10.544.724.060
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	792.167.551	428.015.504	-	-	1.220.183.055
Tại ngày cuối năm	188.520.119	-	-	-	188.520.119

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 6.507.712.150 đồng

**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Cuối năm	Đầu năm
Dự án khai thác vàng tại Hòa Bình	91.334.034.423	81.881.264.629
<b>Cộng</b>	<b>91.334.034.423</b>	<b>81.881.264.629</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**8. Các khoản đầu tư tài chính**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>34.200.000.000</b>	-	-	-
- Công ty CP Đá Granite Phú Yên	34.200.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>34.200.000.000</b>	-	-	-

(\*) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 31/12/2019. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Tên Công ty	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Cuối năm		Đầu năm	
			Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty CP Đá Granite Phú Yên	19,00%	19,00%				
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>						
Công ty TNHH Thương mại Trần Văn Trường			2.097.048.000	2.097.048.000	-	-
Công ty TNHH TM và Vật tư Tổng hợp Tiên Dũng			1.038.513.353	1.038.513.353	841.500.000	841.500.000
Các đối tượng khác			337.810.000	337.810.000	527.509.911	527.509.911
<b>Cộng</b>			<b>3.473.371.353</b>	<b>3.473.371.353</b>	<b>1.369.009.911</b>	<b>1.369.009.911</b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	225.936.717	-	-	225.936.717
Các loại thuế khác	-	10.500.000	10.500.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	86.000.000	86.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>225.936.717</b>	<b>96.500.000</b>	<b>96.500.000</b>	<b>225.936.717</b>

11. Vốn chủ sở hữu

11.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>NĂM TRƯỚC</b>						
Số dư đầu năm	246.330.000.000	(1.910.000)	5.145.322.665	2.796.306.978	(38.360.456.291)	215.909.263.352
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(136.758.005)	(136.758.005)
Số dư cuối năm	246.330.000.000	(1.910.000)	5.145.322.665	2.796.306.978	(38.497.214.296)	215.772.505.347
<b>NĂM NAY</b>						
Số dư đầu năm	246.330.000.000	(1.910.000)	5.145.322.665	2.796.306.978	(38.497.214.296)	215.772.505.347
Lãi trong năm	-	-	-	-	3.884.221.200	3.884.221.200
Số dư cuối năm	246.330.000.000	(1.910.000)	5.145.322.665	2.796.306.978	(34.612.993.096)	219.656.726.547

11.2 Cổ phiếu

	Cuối năm Cổ phiếu	Đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.633.000	24.633.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.633.000	24.633.000
Cổ phiếu phổ thông	24.633.000	24.633.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	191	191
Cổ phiếu phổ thông	191	191
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.632.809	24.632.809
Cổ phiếu phổ thông	24.632.809	24.632.809
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Đơn vị tính: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu	30.556.174.000	4.420.000.000
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	30.556.174.000	4.420.000.000
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	<u>30.556.174.000</u>	<u>4.420.000.000</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ	28.455.422.076	4.335.000.000
Cộng	<u>28.455.422.076</u>	<u>4.335.000.000</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.742.902.652	3.927.970.200
Cộng	<u>3.742.902.652</u>	<u>3.927.970.200</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí tài chính khác	2.313.300	4.672.936
Cộng	<u>2.313.300</u>	<u>4.672.936</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân công	1.268.689.000	1.982.870.000
Thuế, phí và lệ phí	17.333.145	56.000.000
Chi phí dự phòng	(329.043.500)	1.342.150.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.719.091	195.909.092
Chi phí bằng tiền khác	28.358.987	34.558.868
Cộng	<u>1.116.056.723</u>	<u>3.611.487.960</u>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**6. Lợi nhuận khác**

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	-	30.000.000
Thanh lý tài sản	-	30.000.000
<b>Chi phí khác</b>	<b>724.304.720</b>	<b>604.307.932</b>
Khấu hao TSCĐ không hoạt động sản xuất	603.647.432	603.647.432
Chi phí khác	120.657.288	660.500
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(724.304.720)</b>	<b>(574.307.932)</b>

**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.884.221.200	(136.758.005)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	24.632.809	24.632.809
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>158</b>	<b>(6)</b>

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	183.493.178	322.913.108
Chi phí nhân công	1.376.689.000	2.090.870.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.031.662.936	962.708.035
Chi phí dịch vụ mua ngoài	580.474.839	215.909.092
Chi phí khác	90.683.950	1.936.964.312
Chi phí dự phòng	(329.043.500)	-
<b>Cộng</b>	<b>2.933.960.403</b>	<b>5.529.364.547</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

(Đơn vị tính: VND)

**1. Thông tin về các bên liên quan**

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của Ban Giám đốc	96.000.000	96.000.000
Thu nhập thành viên hội đồng quản trị	84.000.000	204.000.000
	<b>180.000.000</b>	<b>300.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**2. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Trong năm Công ty chỉ hoạt động thương mại tại khu vực phía Bắc. Do đó, Công ty không tiến hành lập Báo cáo Bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và nhận thấy thông tin bộ phận là không trọng yếu cho người sử dụng báo cáo tài chính.

**3. Công cụ tài chính**

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

**3.1. Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	Đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.925.456.939	1.236.177.658
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.950.164.548	9.881.405.628
Phải thu về cho vay ngắn hạn	58.800.000.000	-
Phải thu về cho vay dài hạn	-	68.000.000.000
Đầu tư dài hạn	34.200.000.000	34.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>111.875.621.487</b>	<b>113.317.583.286</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	3.633.251.402	1.562.498.960
<b>Cộng</b>	<b>3.633.251.402</b>	<b>1.562.498.960</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**3.2. Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**3.3. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính nay.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**3.3.1 Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**3.3.2 Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

**3.3.3 Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**3.3.4 Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong Năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong Năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

<b>Khoản mục</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 năm - 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>			
<b>Số dư cuối năm</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	3.633.251.402	-	3.633.251.402
<b>Cộng</b>	<b>3.633.251.402</b>	-	<b>3.633.251.402</b>
<b>Số dư đầu năm</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.562.498.960	-	1.562.498.960
<b>Cộng</b>	<b>1.562.498.960</b>	-	<b>1.562.498.960</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>			
<b>Số dư cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.925.456.939	-	10.925.456.939
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.950.164.548	-	7.950.164.548
Phải thu về cho vay ngắn hạn	58.800.000.000	-	58.800.000.000
Đầu tư dài hạn	-	34.200.000.000	34.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>77.675.621.487</b>	<b>34.200.000.000</b>	<b>111.875.621.487</b>
<b>Số dư đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.236.177.658	-	1.236.177.658
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.881.405.628	-	9.881.405.628
Phải thu về cho vay dài hạn	-	68.000.000.000	68.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	34.200.000.000	34.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.117.583.286</b>	<b>102.200.000.000</b>	<b>113.317.583.286</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

**5. Cam kết hoạt động**

Công ty không có khoản cam kết thuê hoạt động nào tính đến ngày 31/12/2019.

**6. Các khoản công nợ tiềm tàng**

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào tính đến ngày 31/12/2019.

**7. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty, được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội.



Nguyễn Đức Thắng  
Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 04 năm 2020

Nguyễn Thị Hoa  
Kế toán trưởng

Lê Tuấn Việt  
Người lập biểu